

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 03 - 2025

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bá Thiệp; bà Nguyễn Thị Bích Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Đăng Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18/03/2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. HKTT: Số A N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Chỗ ở: Số G đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**Bị đơn:** Anh Phạm Văn C, sinh năm 1987. HKTT: Số A phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang chấp hành án tại: Đ, phân trại B, trại giam H2, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Phạm Tuấn H1, sinh ngày 24/11/2012.

Người đại diện hợp pháp cho cháu: Chị Nguyễn Thị H - Mẹ đẻ.

**Người làm chứng:**

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số G đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2/ Ông Phạm Đức T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số A phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H ngày 09/12/2011. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh C. Chị làm công nhân may cho tư nhân, còn anh C ở nhà làm cùng bố mẹ tại quán cà phê. Giai đoạn đầu tình cảm vợ chồng bình thường, anh C cũng có chơi bời, nhưng chị đều bỏ qua hết. Năm 2016 anh C chơi bời có bồ bên ngoài, chị có nói chuyện với anh C nhưng anh không thừa nhận. Tháng 4/2016 chị về nhà đẻ ở và mang theo con về, vợ chồng ly thân từ đó. Khoảng tầm giữa năm 2019 thì anh C bị bắt và Tòa án thành phố H xử phạt tù về tội Cố ý gây thương tích. Chị đã quay lại nhà chồng chăm lo cho bố mẹ chồng và thăm nom anh C trong trại giam, chỉ mong sau khi anh ra trại biết vun vén cho gia đình lo cho vợ con. Sau khi anh C ra tù về nhà ở chưa được 01 năm thì anh vẫn vậy, chơi bời, có bồ, không chăm lo gì cho cuộc sống gia đình và hai mẹ con chị. Năm 2024, anh C lại bị Tòa án thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt tù 16 năm về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tháng 6/2024 chị về nhà đẻ ở cho đến nay. Hiện nay, anh C đang chấp hành án tại đội 9, phân trại 2, Trại giam H2, Hải Dương. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng với anh C không còn hạnh phúc, anh C không mang lại hạnh phúc cho chị. Nên chị xin ly hôn anh.

*Bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn năm 2010 tại UBND phường M, thành phố H. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại N, phường H. Vợ chồng đều là lao động tự do, cuộc sống hạnh phúc. Năm 2024 anh chị không còn tiếng nói chung nữa và tình cảm rạn nứt. Hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại giam H2, án phạt là 16 năm tù. Nay, chị H có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là Phạm Tuấn H1, sinh ngày 24/11/2012, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C nhất trí quan điểm của chị H về nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị H và anh C đều khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết.

*Cháu Phạm Tuấn H1 trình bày:* Nhiều năm nay bố mẹ cháu không ở cùng nhau vì bố C phải đi tù. Nay mẹ H xin ly hôn bố C, cháu xin ở với mẹ.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà là mẹ đẻ chị H, mẹ vợ anh C.

Vợ chồng chị H tự nguyện kết hôn với nhau, gia đình bà không ép buộc. Sau kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh C ở N, Hồ N. Năm 2016 chị H cho con về nhà bà ở, do anh C chơi bời có bồ bên ngoài. Sau khi biết tin anh C bị bắt đi tù về tội Cố ý gây thương tích thì năm 2019 chị H lại quay về nhà chồng ở. Đến khi anh C ra tù, anh vẫn chơi bời và có bồ, không lo cho mẹ con chị H. Năm 2024 anh C lại bị đi tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay anh C đang đi chấp hành án tù. Tháng 6/2024 chị H lại cho con về nhà bà ở cho đến nay. Nay, chị H xin ly hôn anh C, bà mong muốn Tòa án xử cho chị H được ly hôn, để chị và con ổn định cuộc sống sau này. Vợ chồng chị H có 01 con chung là Phạm Tuấn H1. Khi ly hôn, anh chị tự giải quyết về con chung. Chị H và con ở nhà bà thì gia đình bà luôn tạo điều kiện về chỗ ăn ở cho hai mẹ con chị. Anh chị không có tài sản hay nợ chung gì với gia đình bà.

*Người làm chứng ông Phạm Đức T trình bày:* Ông là bố đẻ anh C, bố chồng chị H. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn, gia đình ông không ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng anh C chung sống cùng gia đình ông không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh C chơi bời. Tháng 10/2024 anh C bị Tòa án ngoài Quảng Ninh xử phạt 16 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam H2, Hải Dương, chị H và con không còn ở nhà ông nữa. Chị H xin ly hôn anh C và nhận nuôi con, anh C cũng đồng ý, ông không có ý kiến gì. Vợ chồng anh C không có tài sản, nợ chung với gia đình ông.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh C đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì anh C hiện đang trong Trại giam nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vắng mặt các đương sự.

- Quan điểm của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị HĐXX: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C. Về con chung: Ghi nhận việc giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị H và anh C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Phạm Văn C có địa chỉ: Số A phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Tại thời điểm giải quyết vụ án anh C đang chấp hành án tại Trại giam H2, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

Tại phiên tòa nguyên, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q (nay là phường L), thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 09/12/2011, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Chị H, anh C, cũng như đại diện hai bên gia đình, đều khẳng định trong cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân là do anh C chơi bời. Năm 2024 anh C phải đi chấp hành án tù 16 năm tại Trại giam H2, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh C đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị H xin ly hôn, anh C đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

[2.3] Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Tuấn H1, sinh ngày 24/11/2012. Chị H nhận nuôi cháu, tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh C đồng ý với quan điểm của chị H về nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu H1 có nguyện vọng được ở với chị H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H và anh C không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H anh Phạm Văn C cùng phải chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Chị H có đơn tự nguyện chịu cả phần án phí cho anh C. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn C.

[2]. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh C đồng ý giao cháu Phạm Tuấn H1, sinh ngày 24/11/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Đương sự không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0000646 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Hoàn trả chị Hằng số tiền 150.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận.**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng KT Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

